Phân tích chẩn đoán – Tỉnh Quảng Nam
Chỉ số năng lực cạnh tranh
Về môi trường kinh doanh cấp tỉnh

USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI
Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Nội dung trình bày

1. Tổng quan về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh

2. Chỉ số PCI của Quảng Nam
   - Các chỉ số thành phần cao, thấp và trung bình
   - So sánh với các tỉnh khác thuộc vùng Ven biển miền trung

3. Kết luận và khuyến nghị

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Chỉ số PCI đo lường yếu tố gì?

- Điều hành kinh tế, chứ không phải kết quả phát triển …
- Bằng cách loại trừ ảnh hưởng của các điều kiện truyền thống sẵn có như:
  - Hạ tầng cơ sở
  - Nguồn nhân lực
  - Quy mô của nền kinh tế địa phương (tỉnh)
  - Vị trí địa lý, v.v…
- …Như vậy, ta có thể so sánh các tỉnh trên cùng một mặt bằng.

Xây dựng Chỉ số PCI

- Số liệu thu thập từ cuộc điều tra hơn 2.000 doanh nghiệp ở 42 tỉnh, thành phố …
  - Sử dụng phiếu điều tra để thu thập ý kiến về nhiều khía cạnh khác nhau của môi trường kinh doanh.
- Sau đó, chúng tôi kết hợp dữ liệu điều tra đó với dữ liệu "cứng" - dữ liệu có sẵn ….
- …để xây dựng 9 chỉ số thành phần. Mỗi chỉ số thành phần tiêu biểu cho một khía cạnh quan trọng trong điều hành kinh tế tỉnh ở Việt Nam.

Các chỉ số thành phần

Chỉ số thành phần	Số chỉ tiêu
Chi phí gia nhập thị trường	5
Tiếp cận đất đai	6
Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8
Chi phí thời gian (thanh tra, kiểm tra)	5
Chi phí không chính thức	5
Thực hiện chính sách của Trung ương	3
Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước	9
Tính năng động và sáng tạo	4
Chính sách phát triển khu vực KTTN	4

Xây dựng Chỉ số PCI

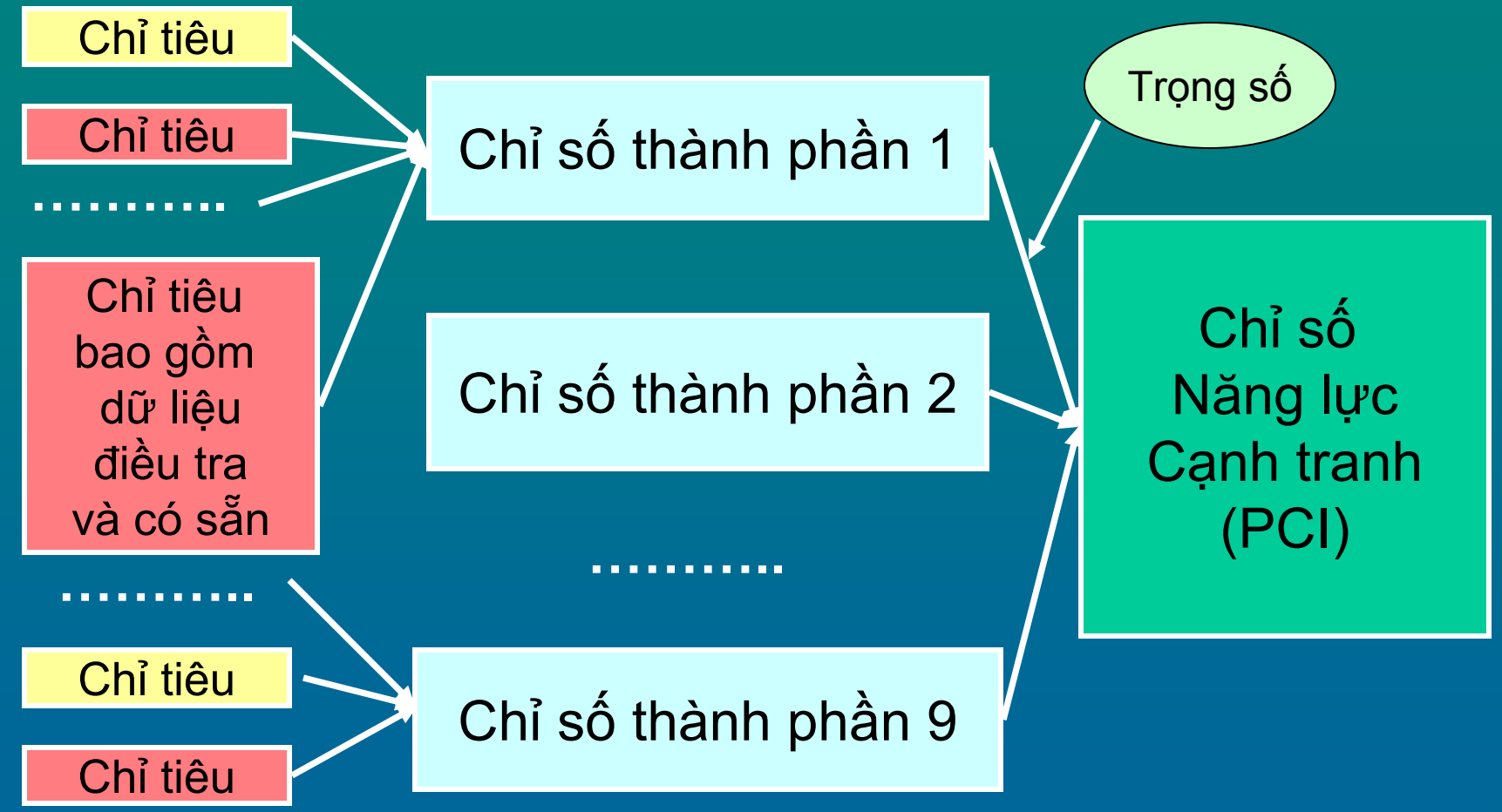

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Tại sao phải tính trọng số cho các chỉ số thành phần?

- Một số chỉ số thành phần có ý nghĩa quan trọng hơn các chỉ số thành phần khác khi lý giải sự khác biệt trong kết quả hoạt động của các tỉnh.
- Vì vậy nhóm nghiên cứu phải xác định mức độ tác động của từng chỉ số thành phần tới 3 khía cạnh cơ bản đo lường năng lực cạnh tranh của tỉnh:
  - Vốn đầu tư,
  - Số doanh nghiệp đăng ký,
  - Lợi nhuận của doanh nghiệp.
- ….và tiếp đó, tính mức độ tác động bình quân và dùng kết quả này làm trọng số để tính chỉ số tổng hợp PCI.

Trọng số PCI

Chỉ số thành phần	Trọng số PCI
Chi phí gia nhập thị trường	17,1
Tính năng động và sáng tạo	16,8
Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	16,1
Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước	13,1
Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân	11,1
Chi phí thời gian / thanh kiểm tra	9,6
Tiếp cận đất đai	8,4
Chi phí không chính thức	7,6
Thực hiện chính sách của Trung ương	0,2
Tổng	**100,0**

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH Ở VIỆT NAM

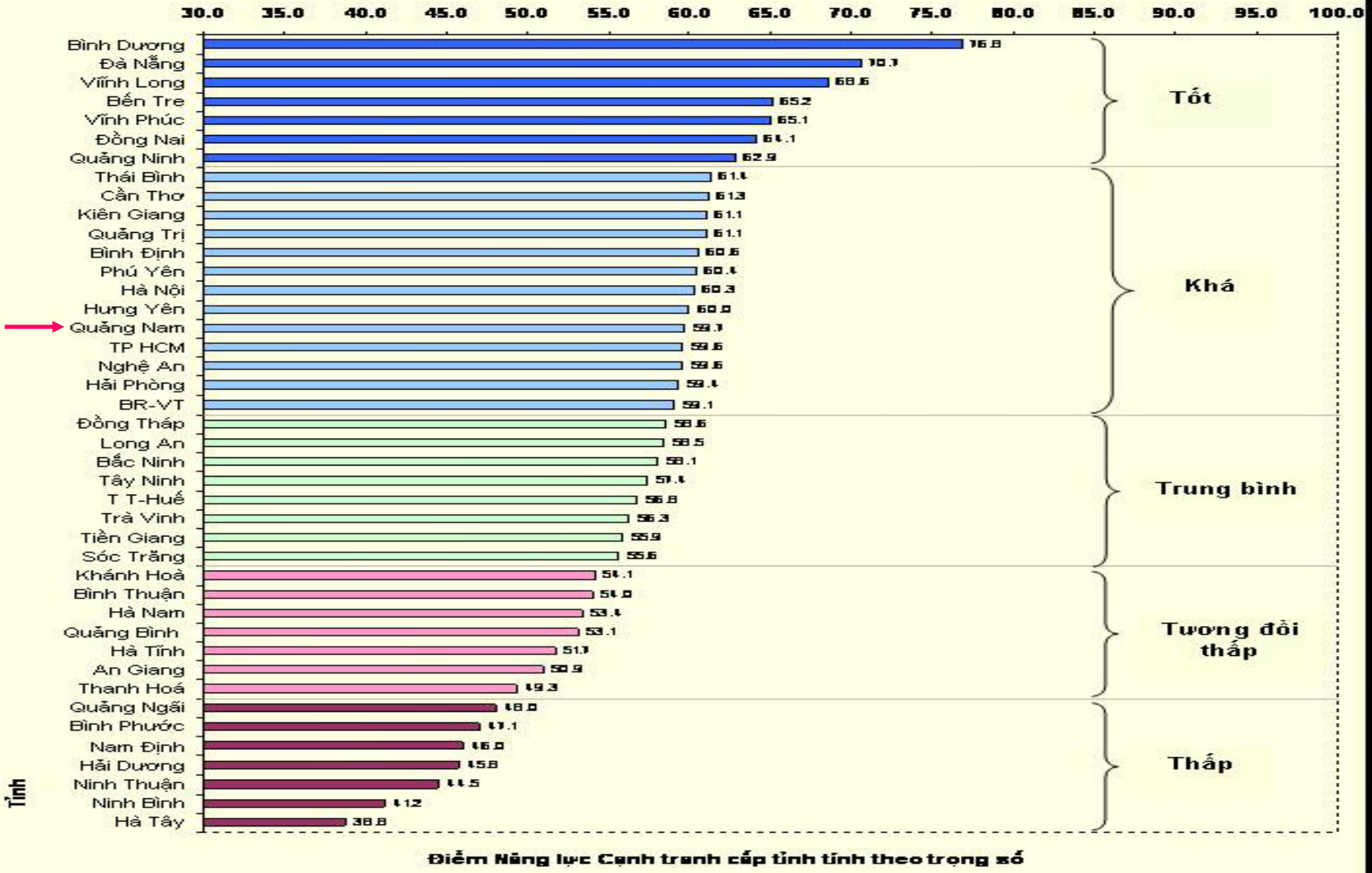

Bản đồ Việt Nam

Xếp loại tỉnh theo Chỉ số PCI

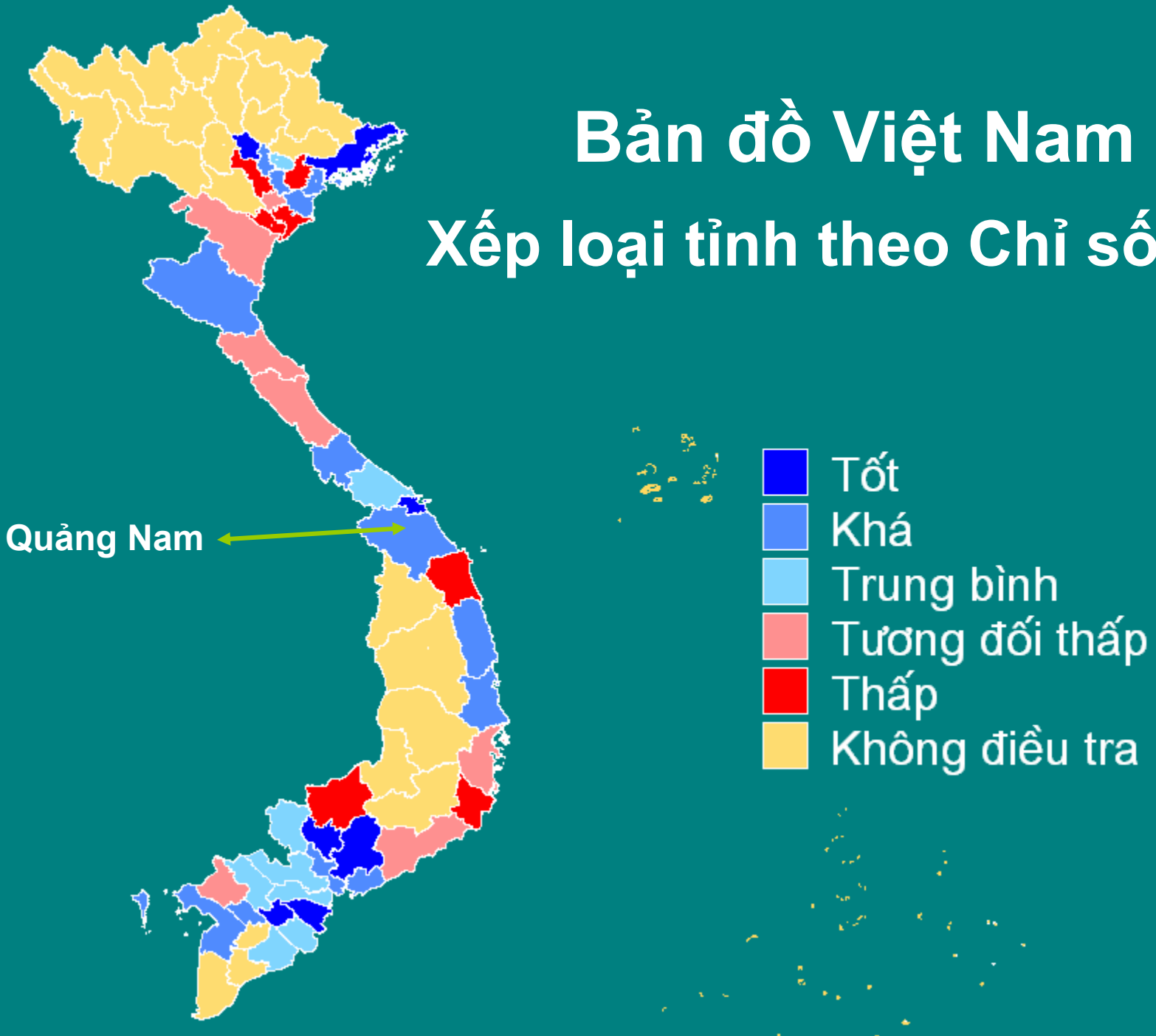

Về Quảng Nam ….
Số liệu thống kê & Số liệu khảo sát

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Tổng quan về phát triển KTTN
- Quy mô của KV. KTTN -

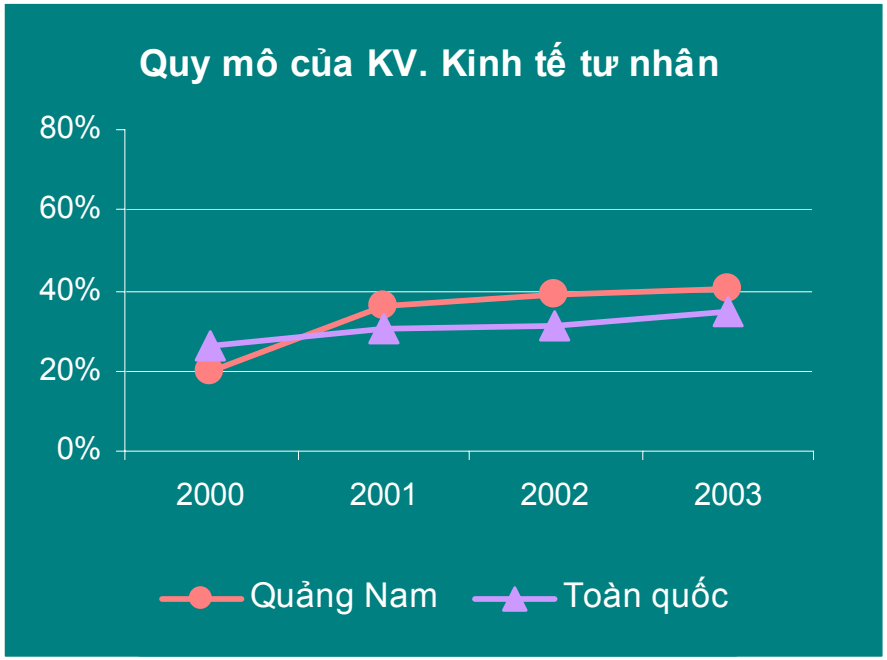

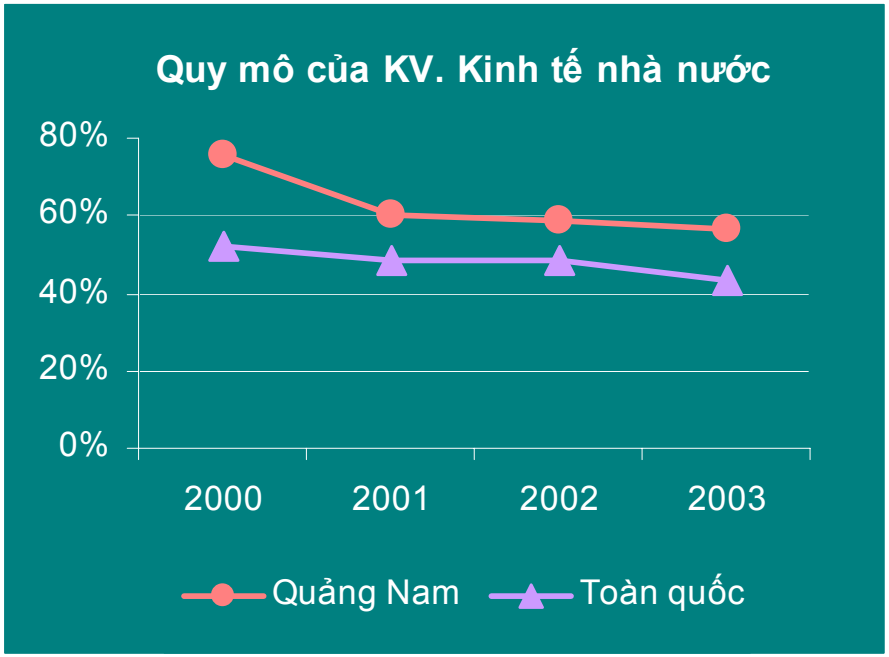

Chú thích: Quy mô được tính theo tỷ lệ doanh thu của khu vực kinh tế đó so với tổng doanh thu của tỉnh

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Tổng quan về phát triển KTTN
- Sử dụng lao động -

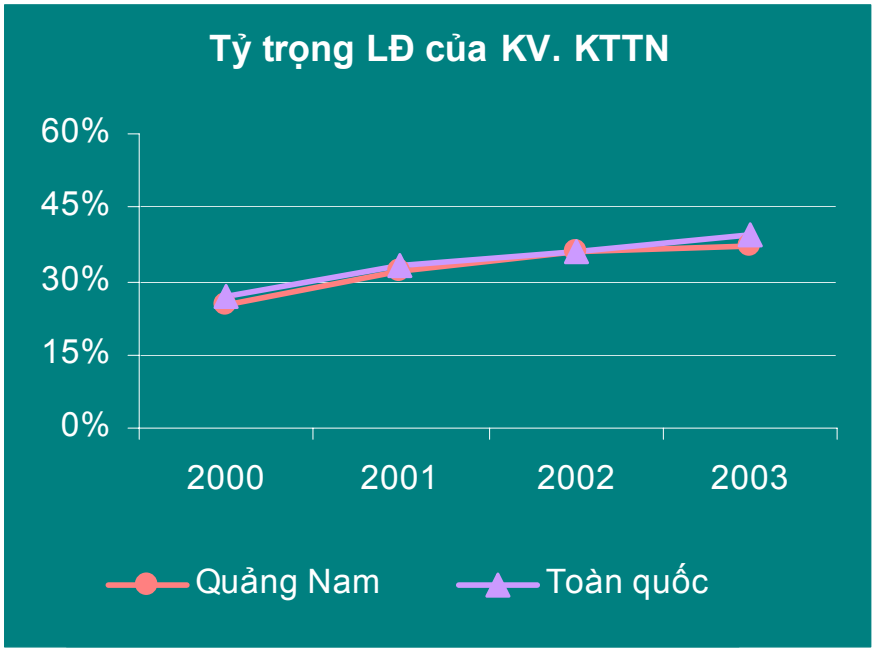

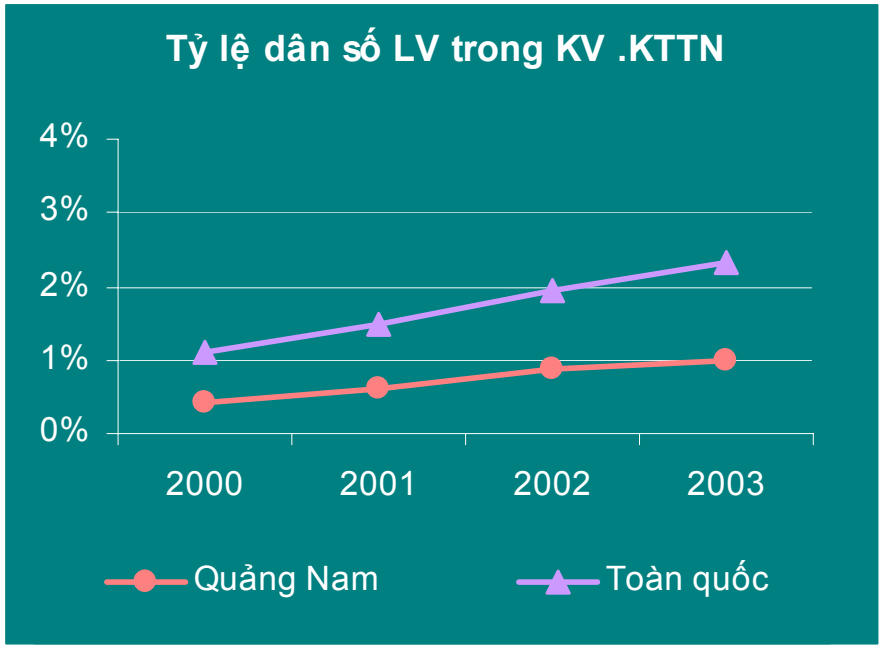

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Tổng quan về phát triển KTTN
- Vốn đầu tư -

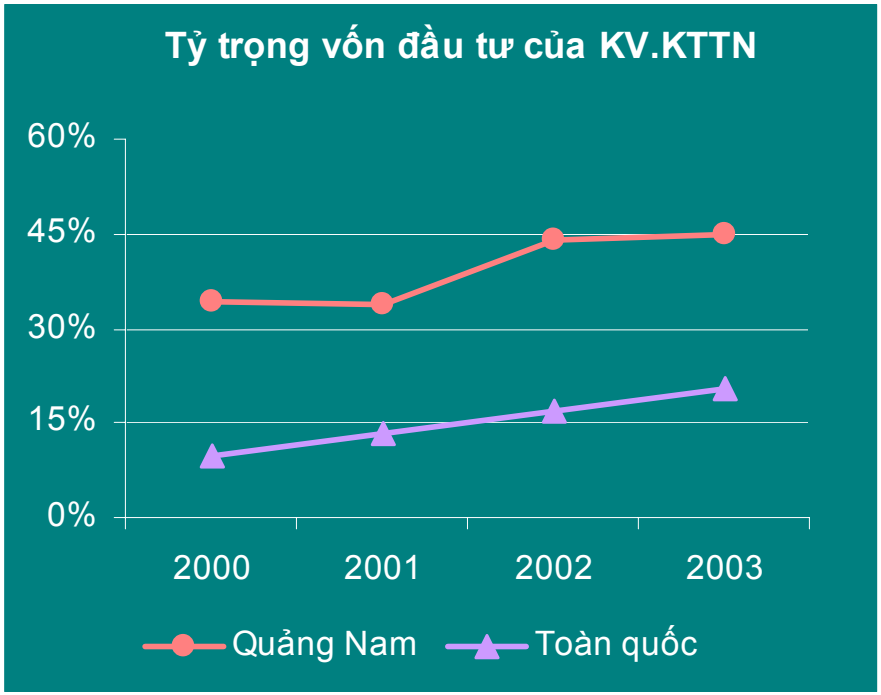

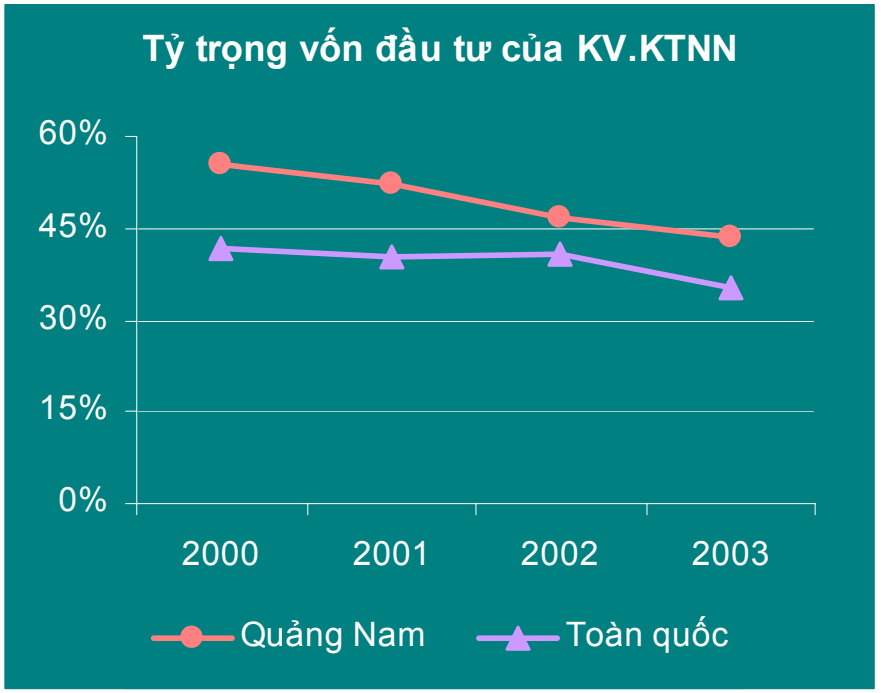

Chú thích: Vốn đầu tư được tính bằng giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn (nhà xưởng, thiết bị, v.v.)

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

PCI vùng Ven biển miền Trung

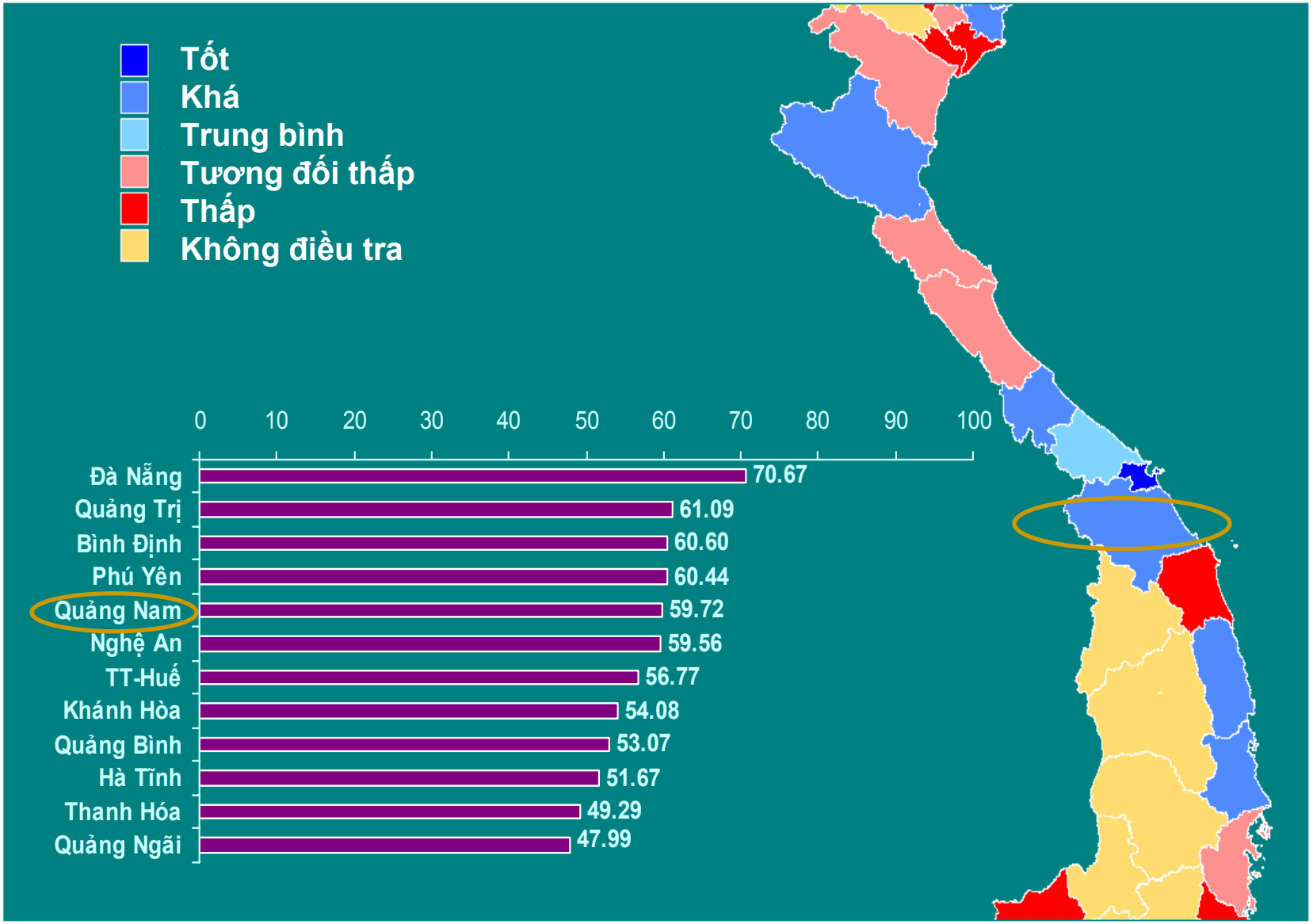

Điểm trung vị của toàn mẫu theo từng chỉ số thành phần

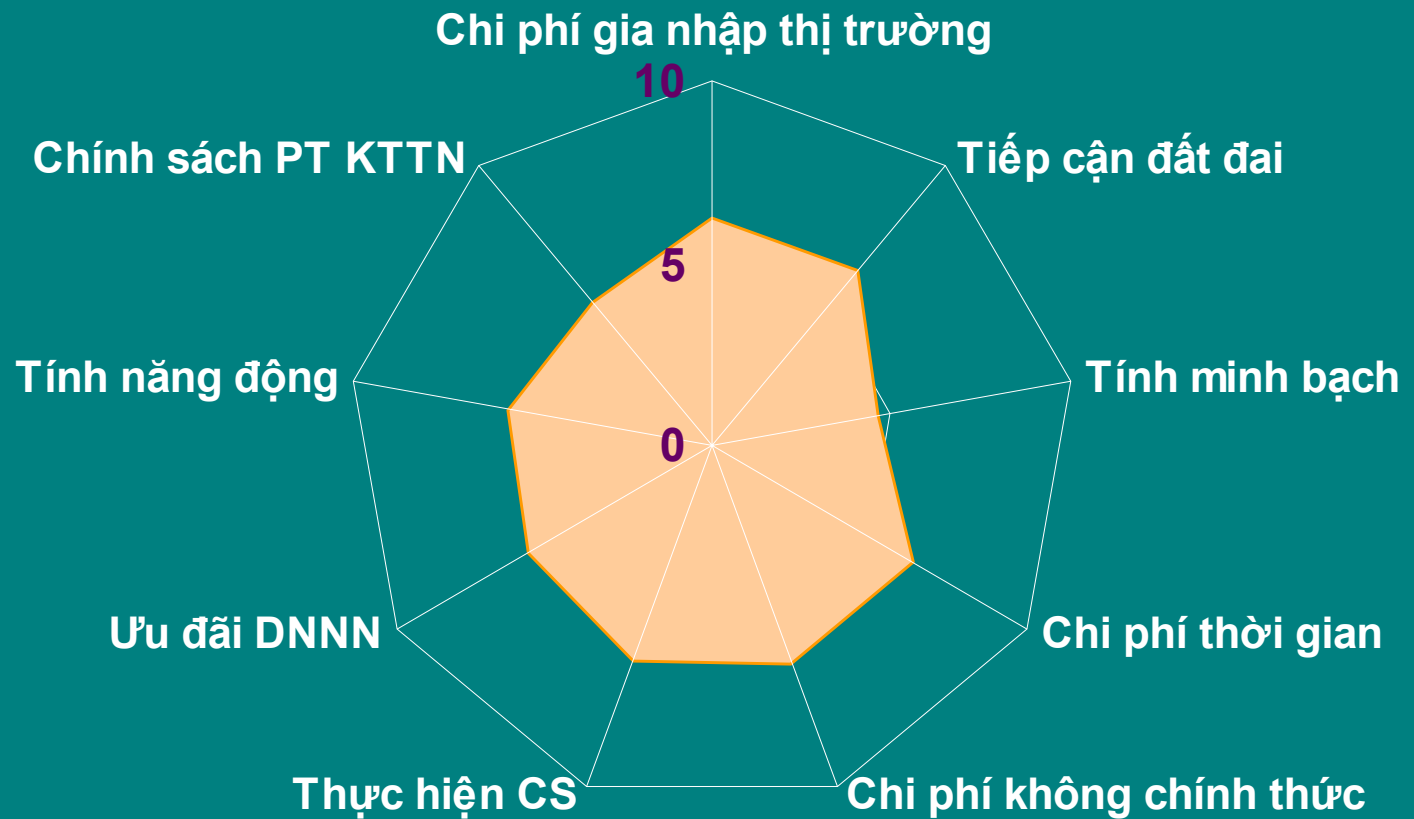

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Chỉ số thành phần của Quảng Nam (so sánh với điểm số trung vị)

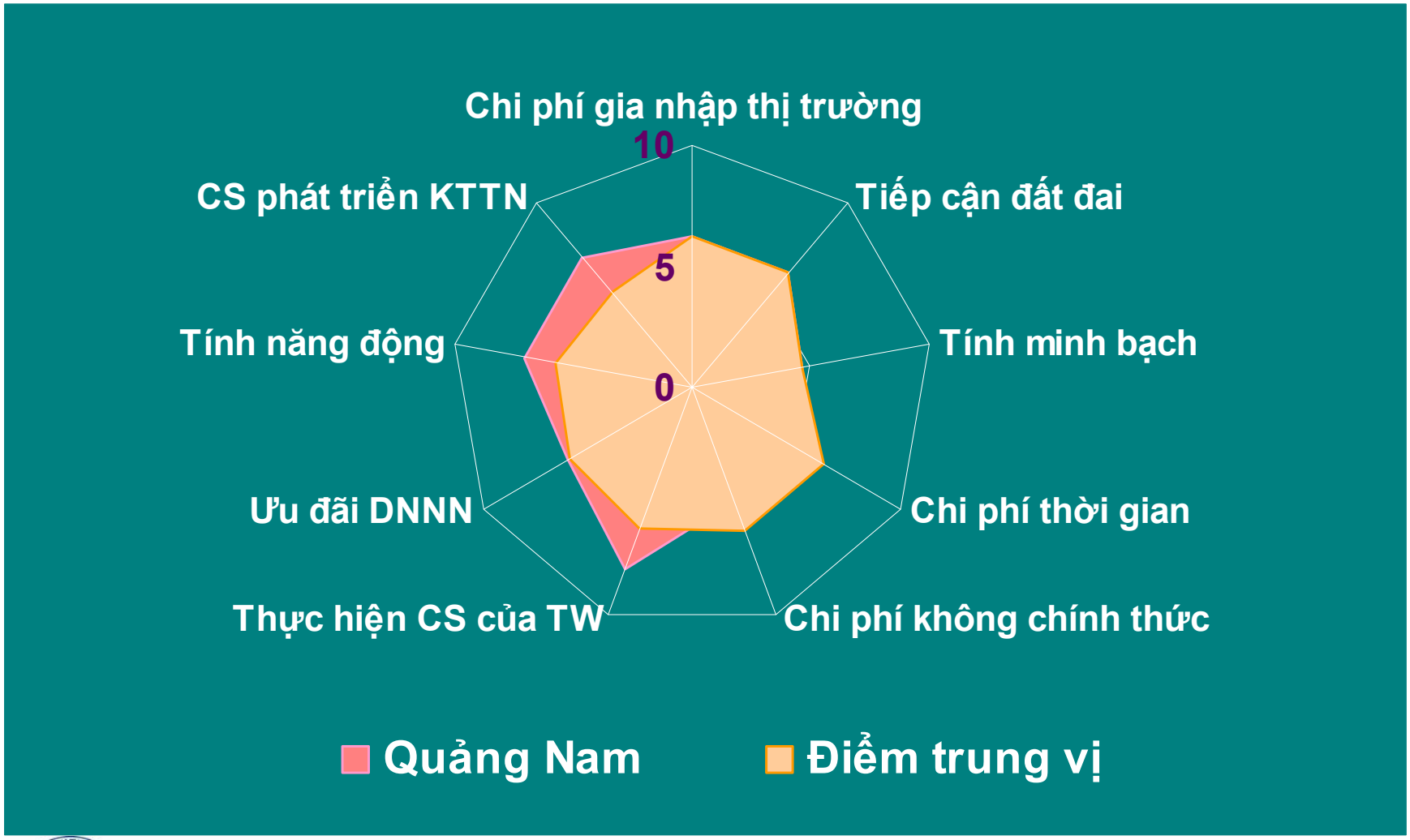

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Xếp hạng theo từng chỉ số thành phần

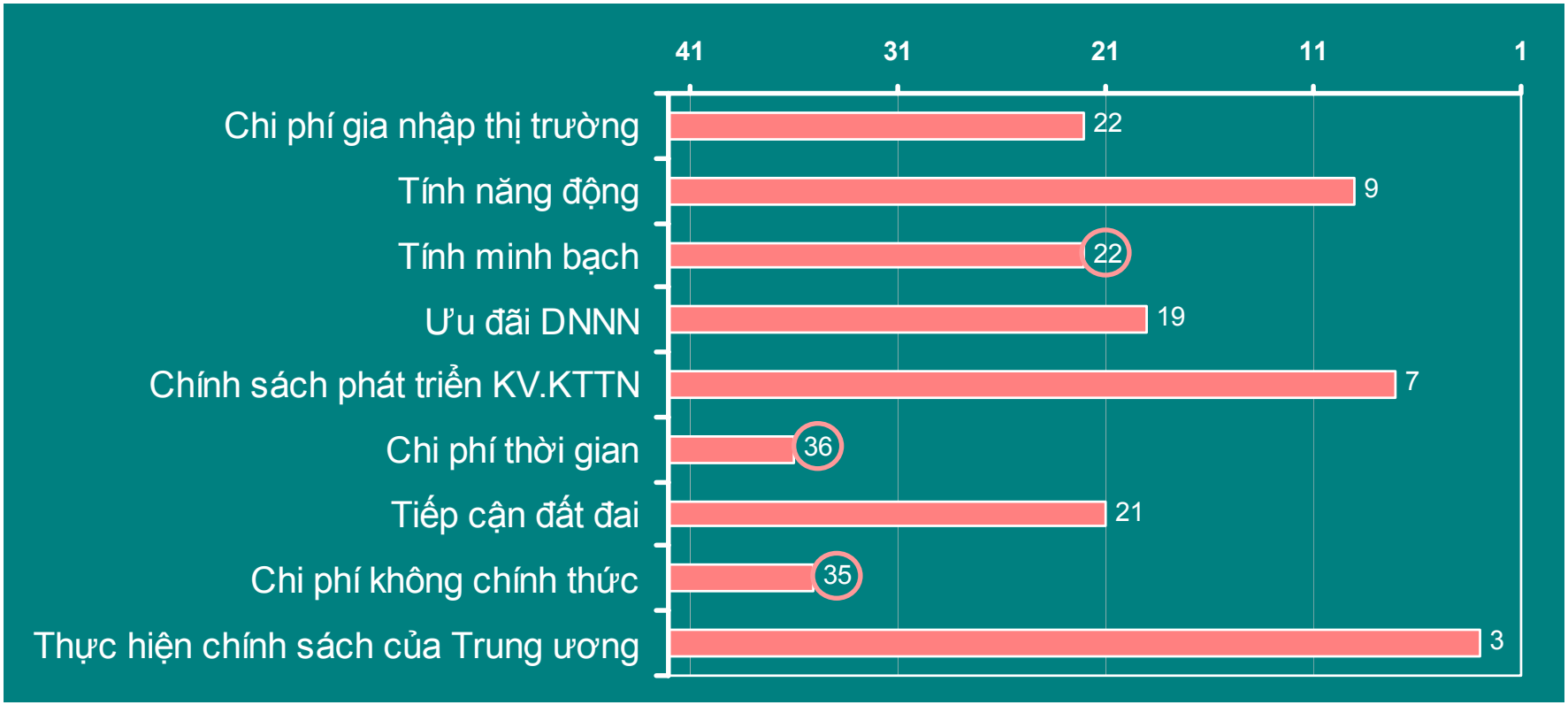

Chú thích: **Thấp**

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Phân loại chỉ số

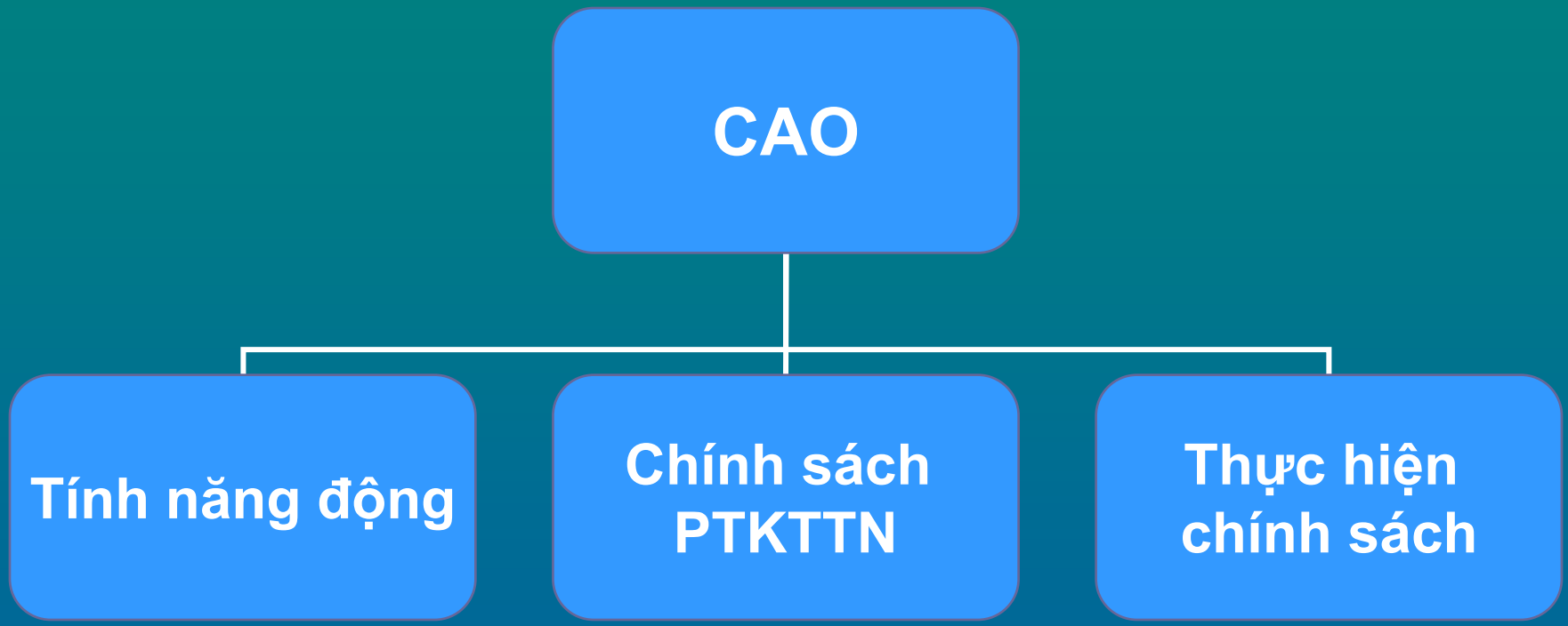

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Tính năng động

Xếp loại cao: 7,01/10; 9/42

Chỉ tiêu	Quảng Nam	Tỉnh tốt nhất
• Tỉnh năng động trong khuôn khổ luật của Trung ương:	89%; 5/42	94% (Vĩnh Long)
• Tỉnh năng động và sáng tạo giải quyết vấn đề của DN:	85%; 2/42	86% (Vĩnh Phúc)

So sánh

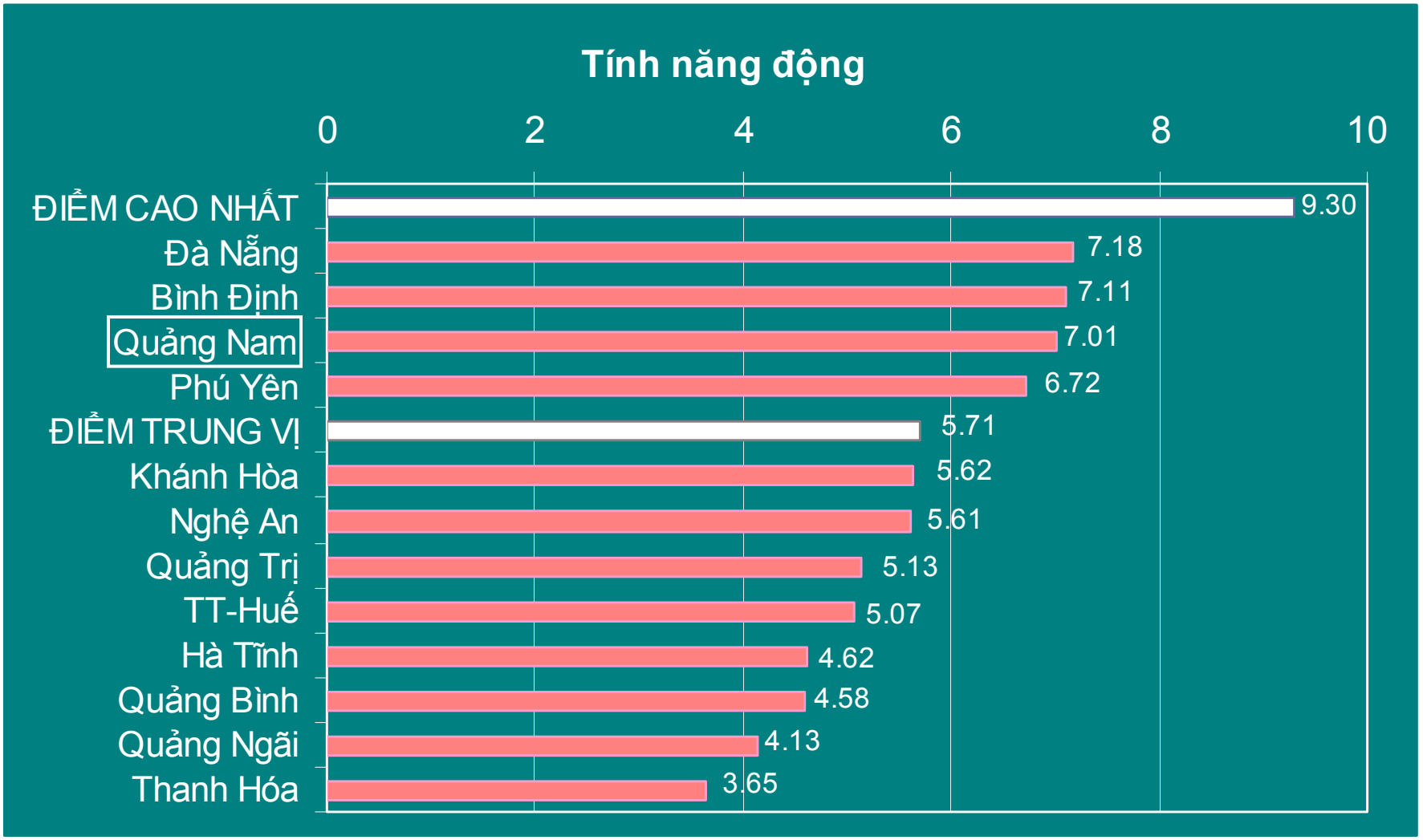

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Chính sách phát triển KTTN

Xếp loại cao: 7,03/10; 7/42

Chỉ tiêu	Quảng Nam	Tỉnh tốt nhất
• Thông tin thị trường (xúc tiến thương mại):	25%; 14/42	42% (Đà Nẵng)
• Thông tin pháp luật kinh doanh:	21%; 11/42	36% (TT-Huế)
• Cầu nối cho doanh nghiệp:	18%; 11/42	26% (Tây Ninh)
• Đào tạo nguồn lao động:	26%; 2/42	28% (Tây Ninh)

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

So sánh

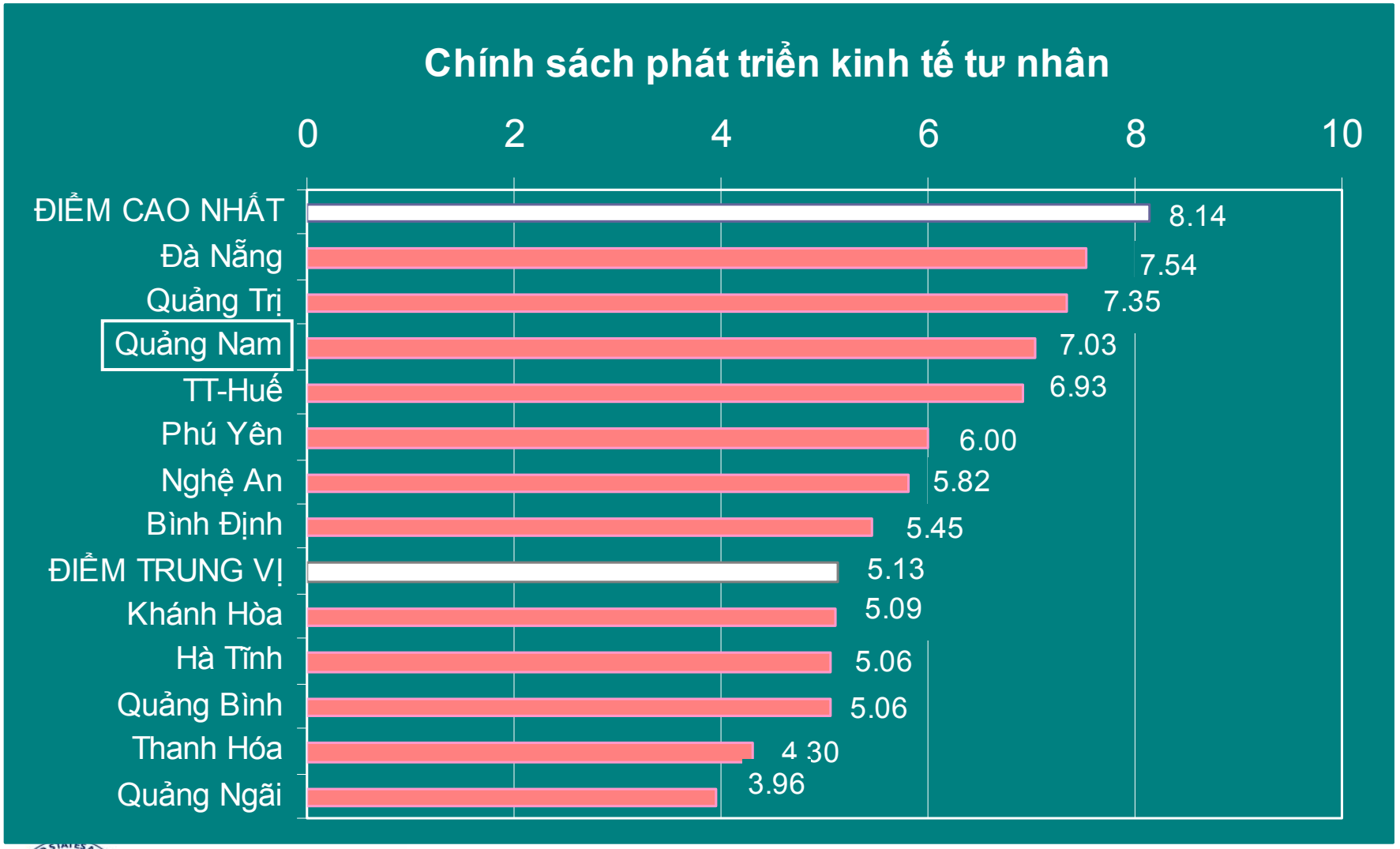

USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI
Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Thực hiện chính sách

Xếp loại cao: 8/10; 3/42

Chỉ tiêu	Quảng Nam	Tỉnh tốt nhất
• Phối hợp tốt giữa Trung ương và địa phương:	85%; 12/42	91% (Thái Bình)
• Thực hiện các chính sách/sáng kiến:	85%; 11/42	100% (Vĩnh Phúc, v.v)

Mặt hạn chế:

• Chính quyền tỉnh có sáng kiến tốt nhưng các ban ngành phối hợp chưa tốt (47%)

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

So sánh

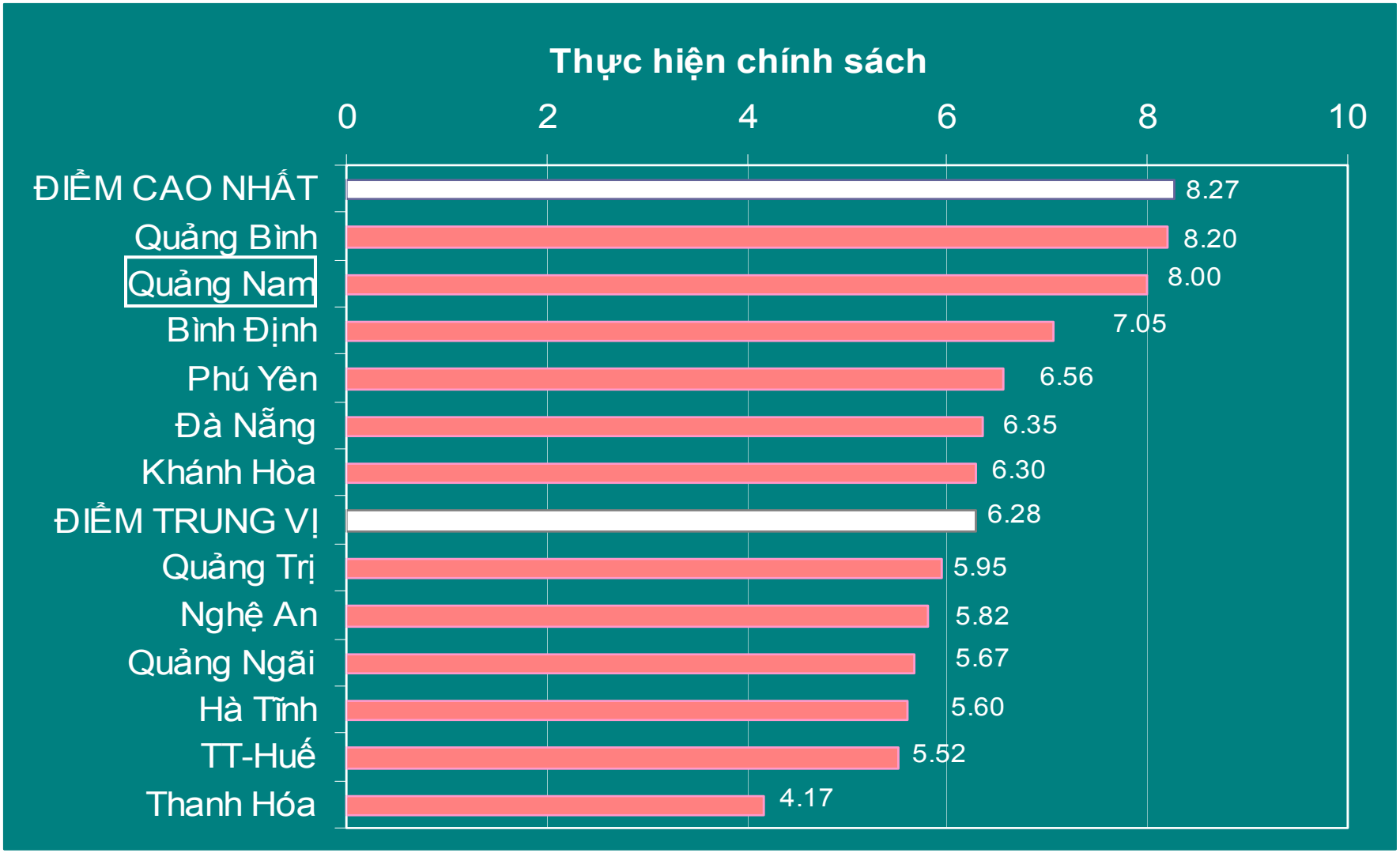

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Phân loại chỉ số

THẤP

- Tính minh bạch
- Chi phí không chính thức
- Chi phí thời gian

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Tính minh bạch

Xếp loại thấp: 4,65/10; 22/42

Chỉ tiêu	Quảng Nam	Tỉnh tốt nhất
• Tính sẵn có của văn bản kế hoạch, quyết định:	30/42	Quảng Ninh
• Khả năng dự đoán việc thực hiện chính sách, quy định :	9,8%; 34/42	60% (Quảng Ninh)
• Quan hệ có vai trò (rất) quan trọng:	72%; 22/42	50% (Hải Phòng)
• "Thương lượng" với cán bộ thuế:	74%; 19/42	52% (Quảng Trị)
• Thảo luận về thay đổi chính sách, pháp luật:	11%; 25/42	62% (Quảng Ngãi)

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

So sánh

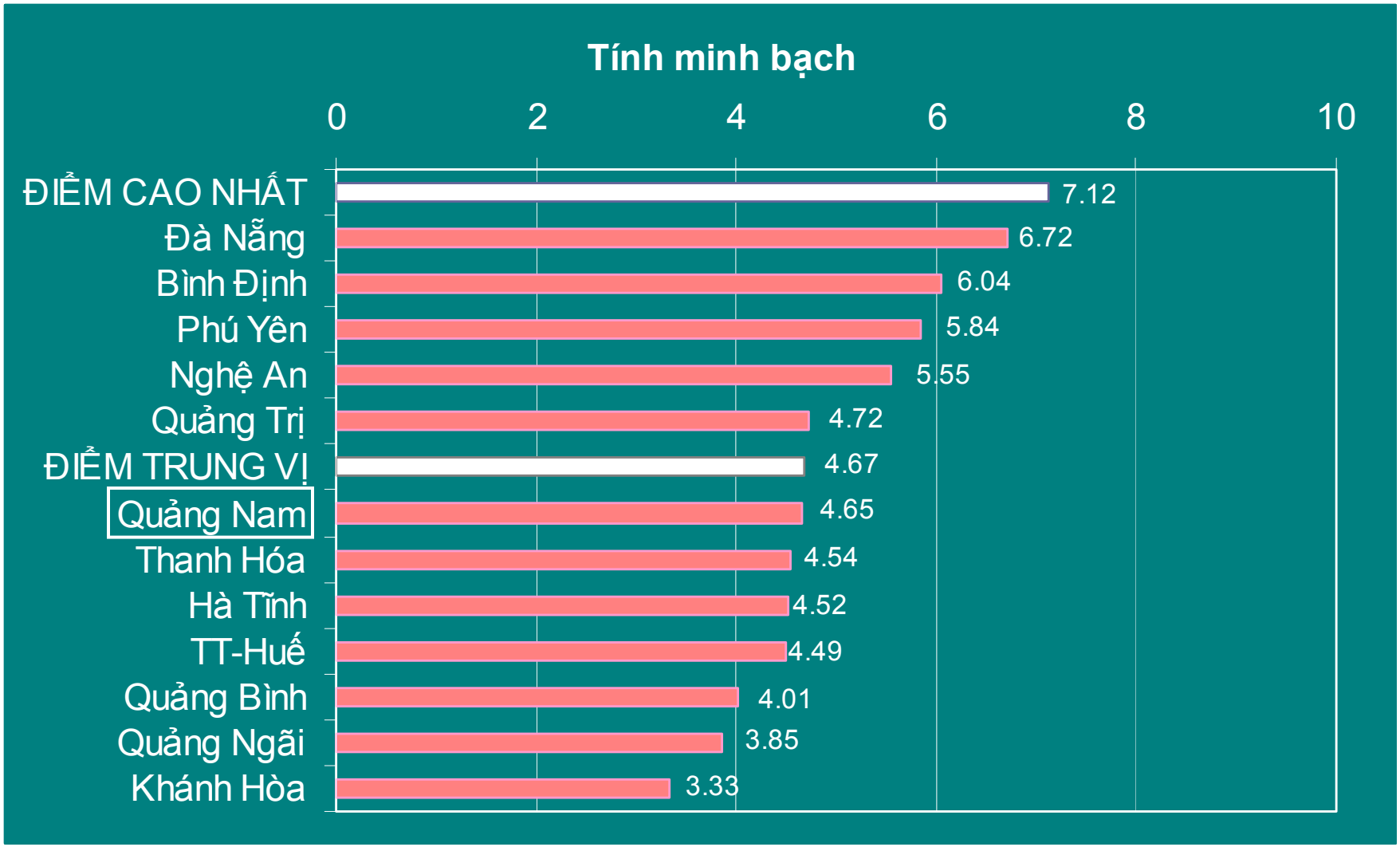

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Chi phí không chính thức

Xếp loại thấp: 5,04/10; 35/42

Chỉ tiêu	Quảng Nam	Tỉnh tốt nhất
• DN trong cùng ngành cũng phải trả chi phí không chính thức:	46%; 41/42	7% (Tiền Giang)
• CP không chính thức lớn hơn 10% doanh thu:	15%; 33/42	2% (Bình Dương)
• Tỷ lệ CP không chính thức cho cán bộ thuế (% so với doanh thu):	39/42	Vĩnh Phúc, Bình Dương, v.v.

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

So sánh

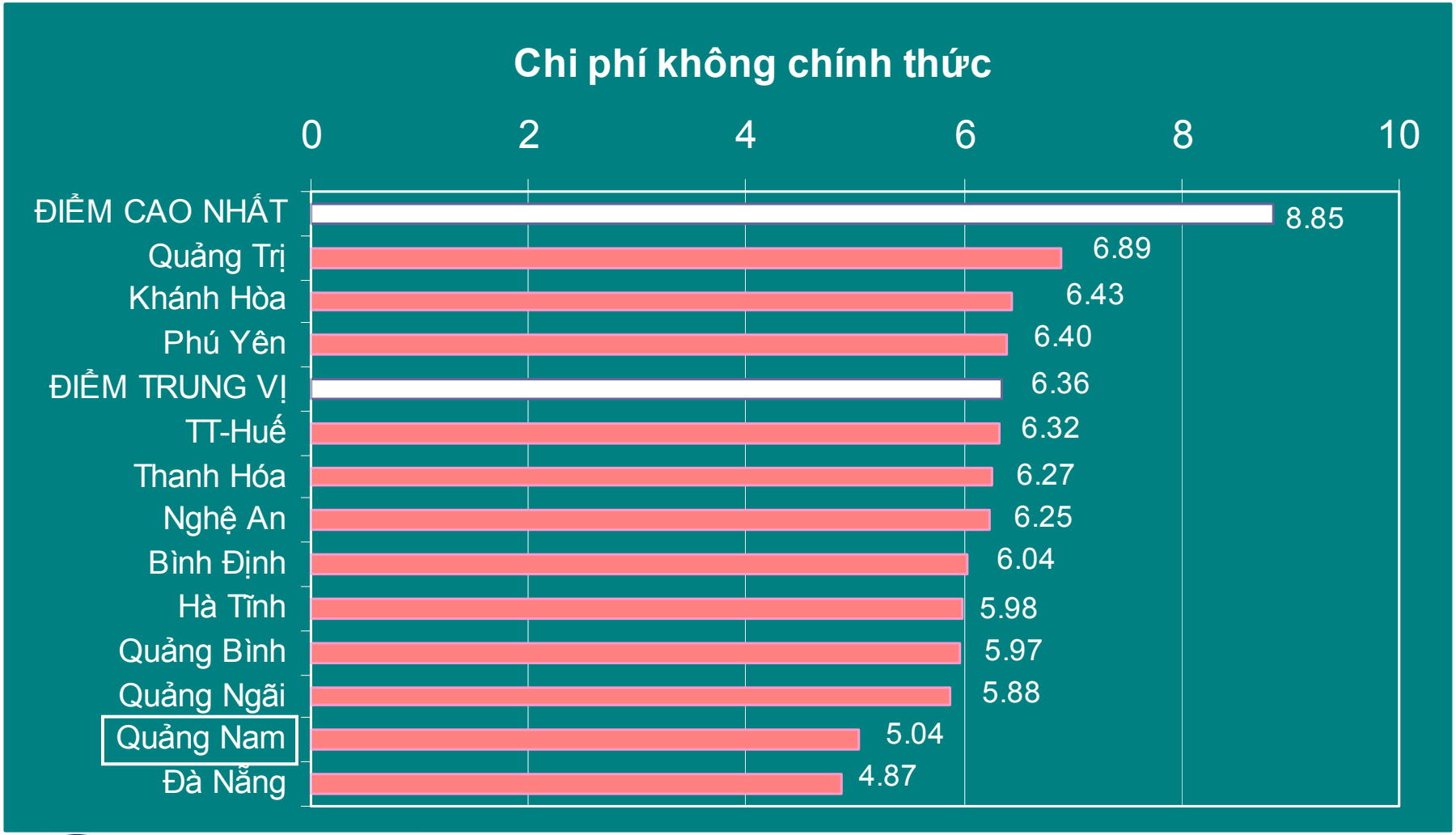

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Chi phí thời gian

Xếp loại thấp: 5,23/10; 36/42

Chỉ tiêu	Quảng Nam	Tỉnh tốt nhất
• Ban lãnh đạo tốn trên 10% thời gian cho các thủ tục hành chính:	18%; 32/42	4% (Thanh Hóa)
• Số cuộc thanh tra giảm kể từ khi có Luật doanh nghiệp:	41%; 25/42	70% (Kiên Giang)
• Số giờ thuế (trung vị):	24 giờ; 41/42	1 giờ (Trà Vinh)

So sánh

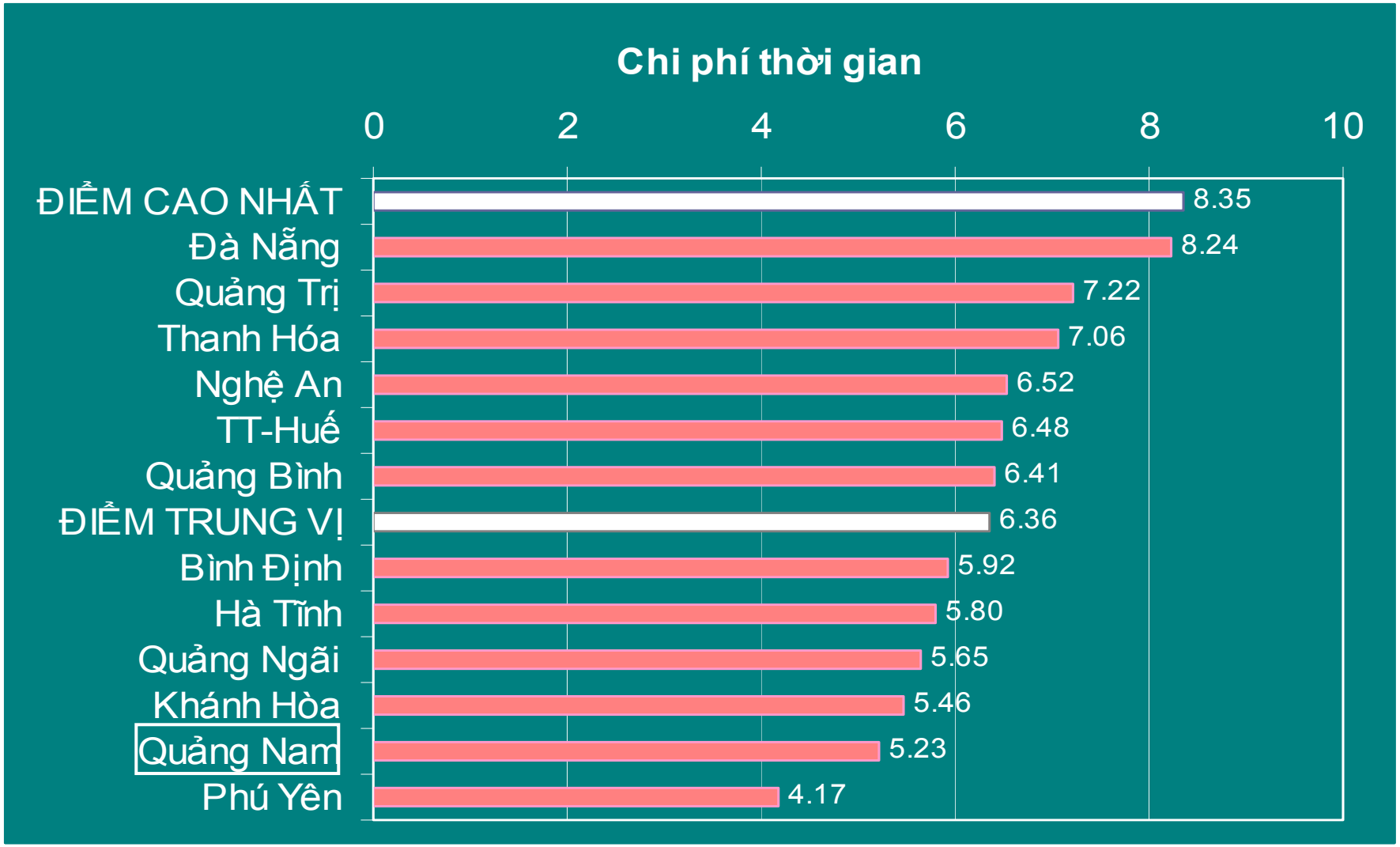

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Phân loại chỉ số

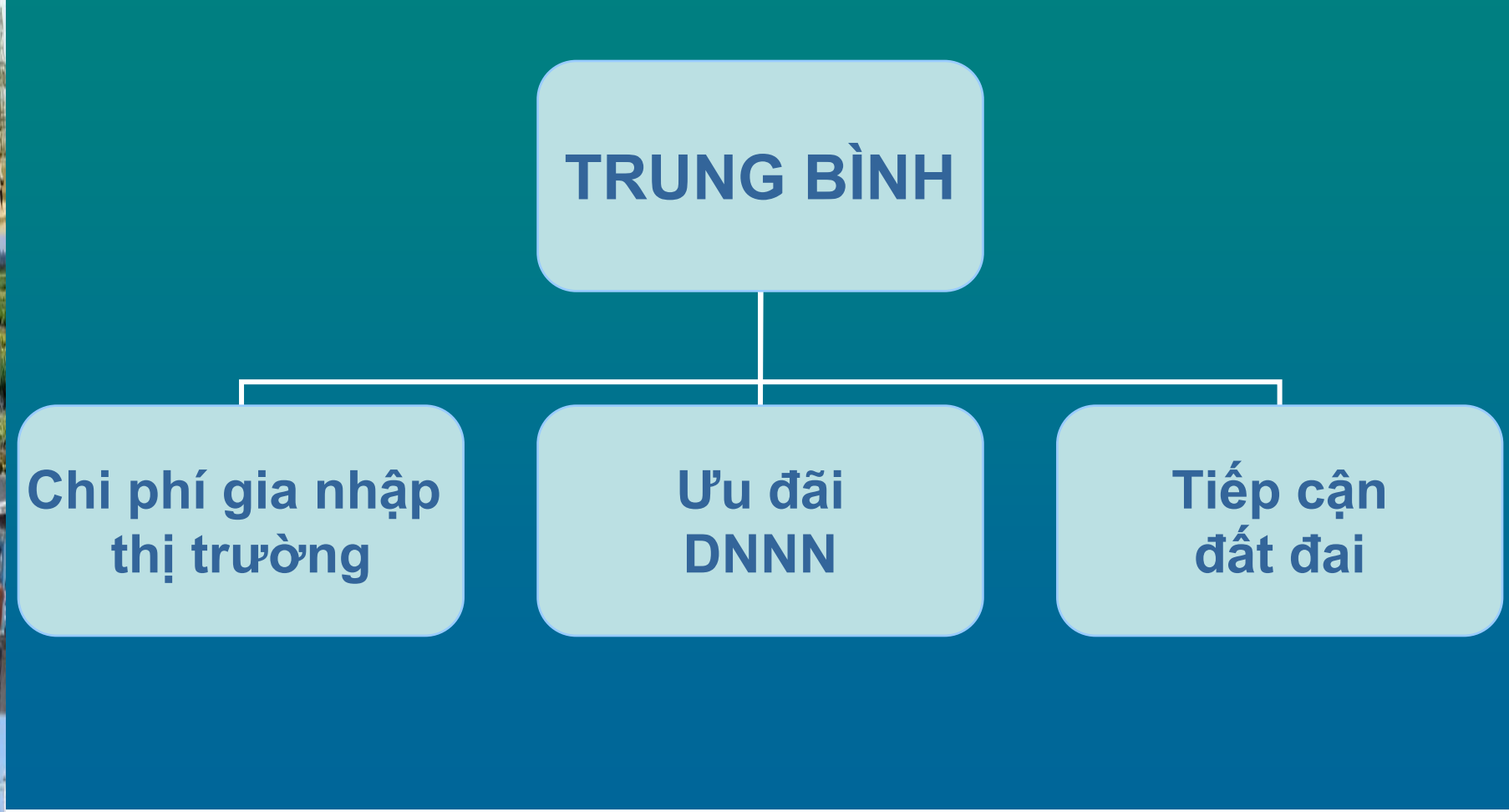

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Chi phí gia nhập thị trường

Xếp loại trung bình: 6,23/10; 22/42

Chỉ tiêu	Quảng Nam	Tỉnh tốt nhất
• Tỷ lệ DN chờ hơn một tháng mới hoàn tất các thủ tục cần thiết để bắt đầu hoạt động:	23%; 4/42	10% (Nghệ An)
• Thời gian chờ đợi để có mặt bằng SXKD:	56 ngày; 37/42	2 ngày (Bình Dương)

So sánh

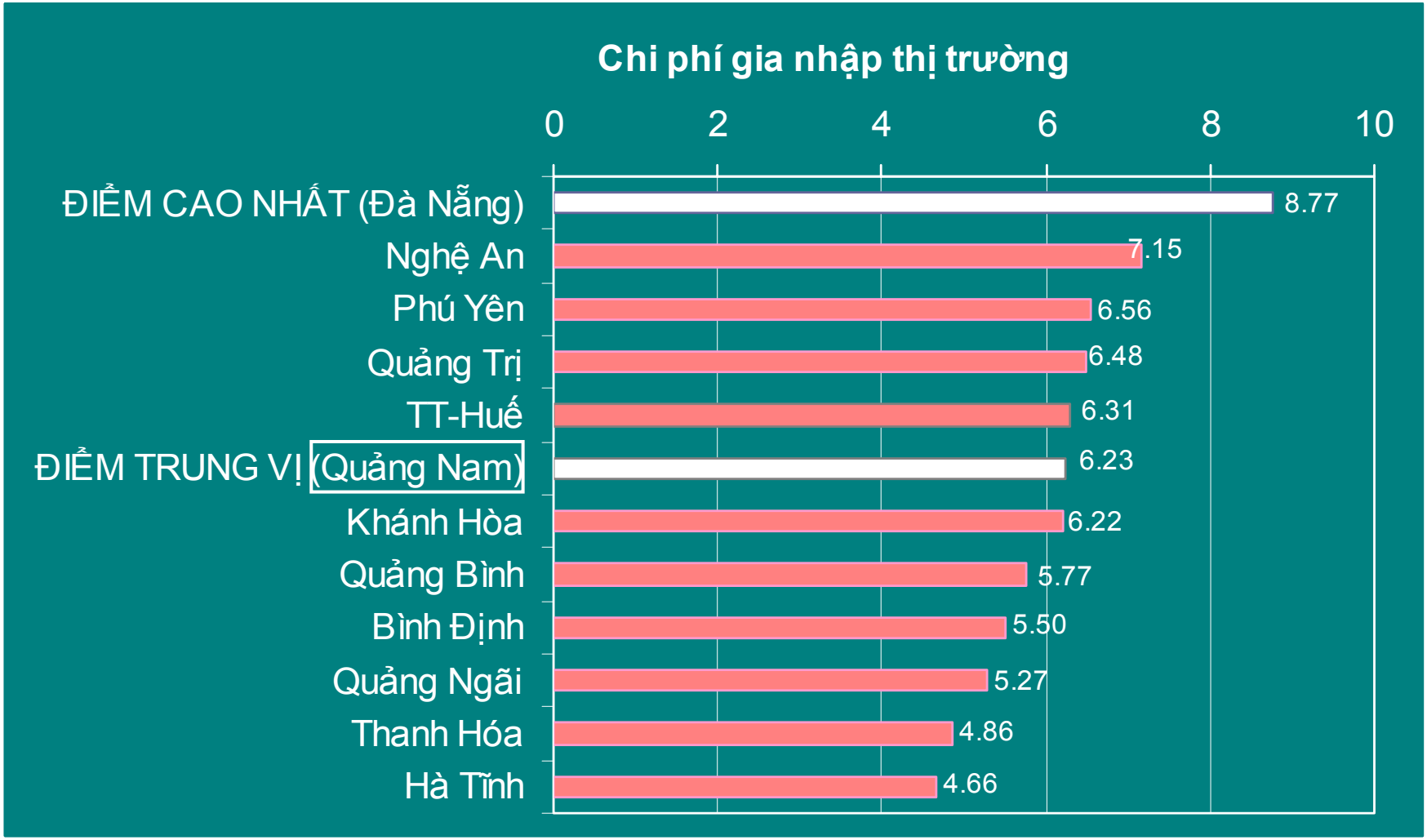

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Ưu đãi DNNN

Xếp loại trung bình: 5,92/10; 19/42

Chỉ tiêu	Quảng Nam	Tỉnh tốt nhất
• Thái độ ưu đãi DNNN:	57%; 19/42	33% (Đồng Nai)
• Đánh giá chất lượng cổ phần hóa:	3,73/5; 15/42	4 (Bình Dương, v.v.)
• Thái độ đối với khu vực kinh tế tư nhân:	57%; 13/42	78% (Vĩnh Phúc)
• Ưu đãi đối với doanh nghiệp cổ phần hóa:	36%; 32/42	18% (Kiên Giang, Bình Dương)

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

So sánh

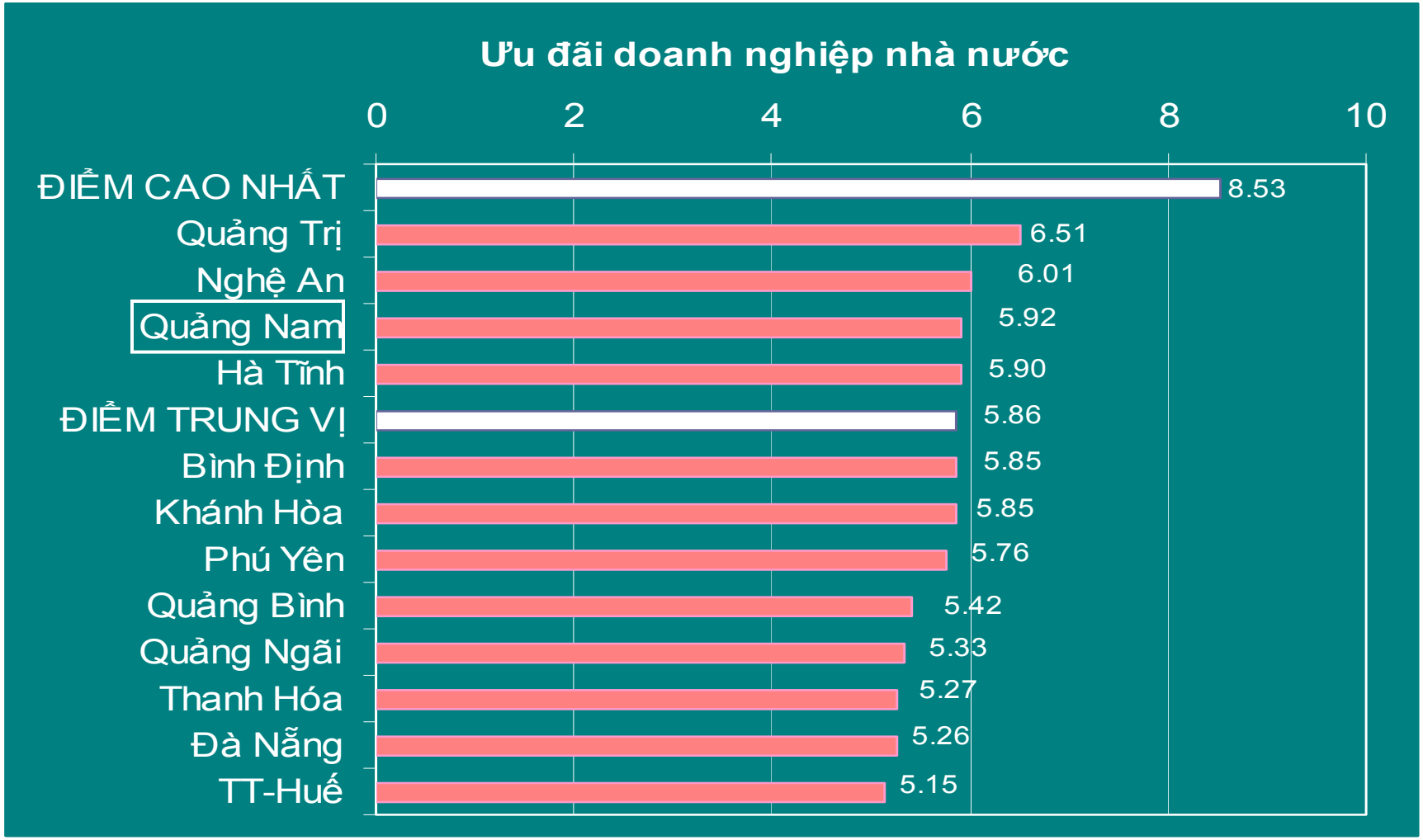

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Tiếp cận đất đai

Xếp loại trung bình: 6,22/10; 21/42

Chỉ tiêu	Quảng Nam	Tỉnh tốt nhất
• Mở rộng SXKD nếu có được mặt bằng dễ dàng hơn:	74%; 27/42	48% (Trà Vinh)
• Chuyển đổi đất nông nghiệp:	3,92/5; 11/42	4,3 (Vĩnh Long, Đà Nẵng)
• Chất lượng chính sách phát triển khu/cụm CN:	0,64; 6/42	2,83 (TP.HCM)

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

So sánh

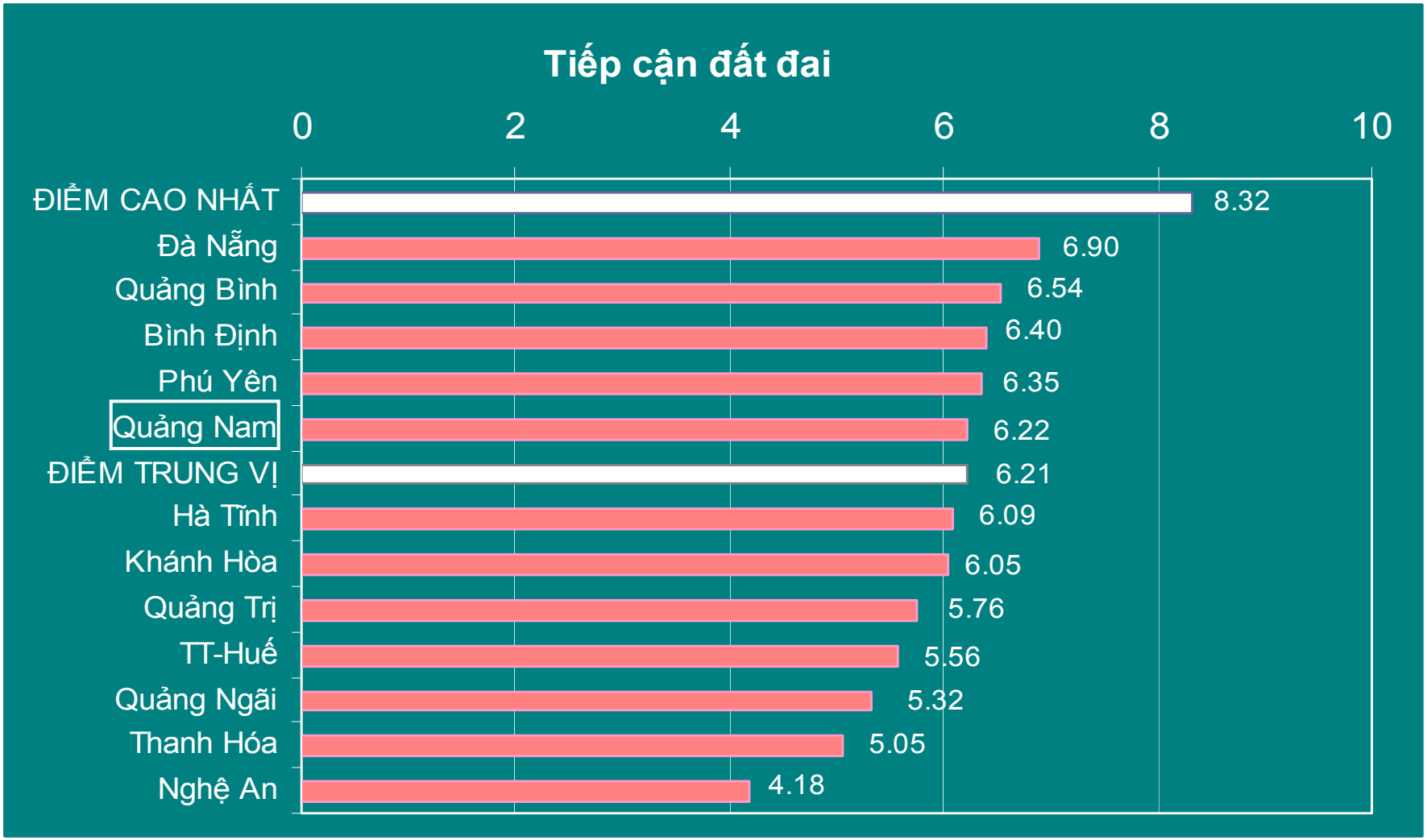

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Quảng Nam & Đà Nẵng
So sánh

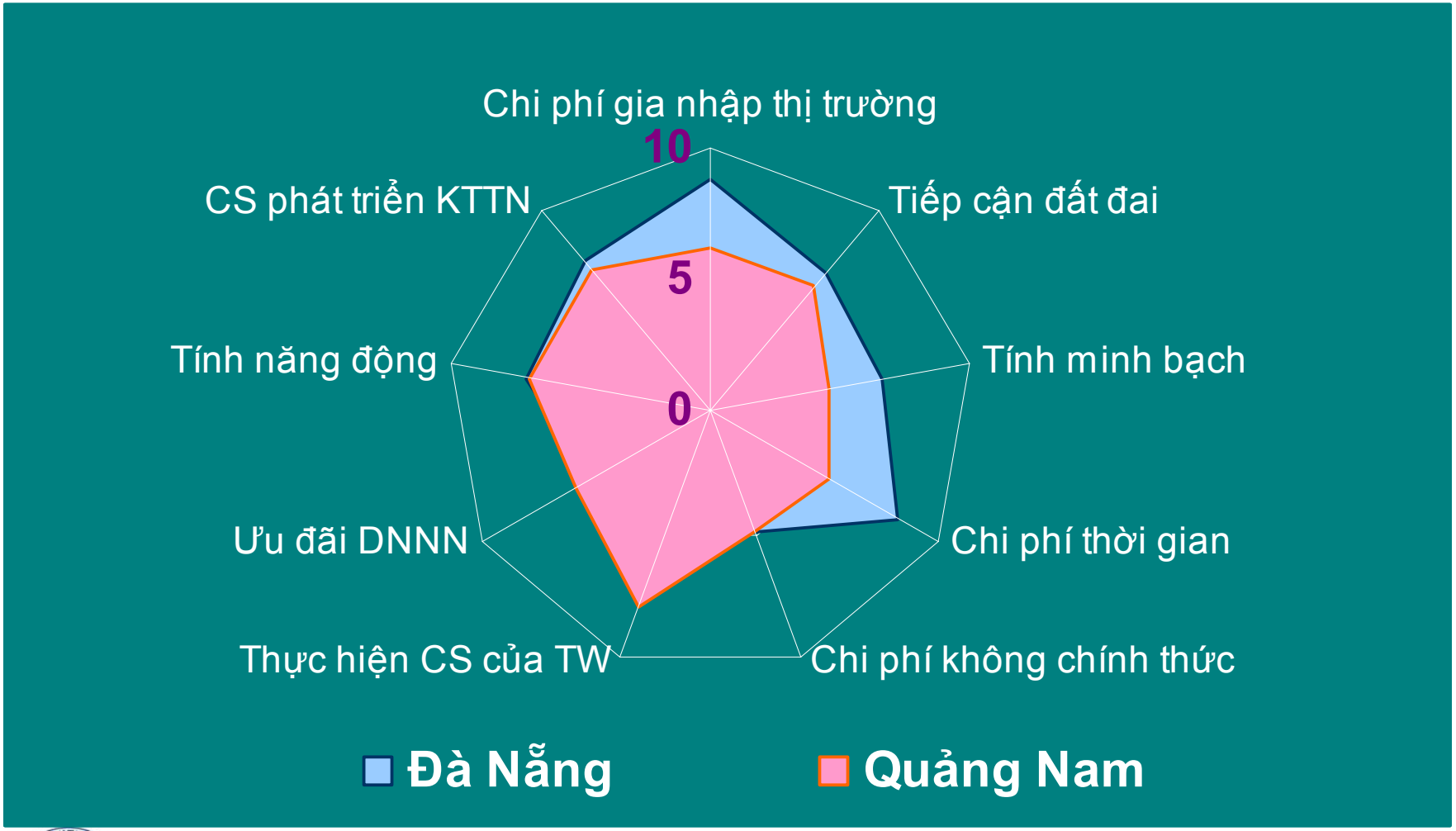

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Về Quảng Nam …

Kết luận và Khuyến nghị

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Kết luận

- Số liệu cho thấy:
  - Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi muốn tiếp cận các văn bản kế hoạch của tỉnh (vốn cần thiết cho hoạt động kinh doanh của họ)
  - Doanh nghiệp thấy chưa yên tâm vì khó dự đoán việc thực hiện chính sách pháp luật trung ương (vốn quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp) và việc thực hiện vẫn còn thiếu nhất quán trên địa bàn tỉnh
  - Thủ tục hành chính còn nhiều và chi phí không chính thức vẫn là gánh nặng cho doanh nghiệp
  - Hơn nữa, nhiều cơ hội kinh doanh/đầu tư bị bỏ lỡ do phải chờ đợi lâu để có mặt bằng và khó tiếp cận đất đai.

Khuyến nghị

- Hành động nhằm mục đích đưa thông tin về chính sách pháp luật đến doanh nghiệp, giảm bớt gánh nặng thủ tục hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh:
  - Rà soát toàn diện các thủ tục, giấy phép, v.v. để xem chúng có còn thực sự cần thiết? Thực sự có liên quan đến lợi ích cộng đồng nên cần được bảo vệ bằng luật pháp, quy định?
  - Đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh và tiếp cận đất đai. Ví dụ Cơ chế một cửa?
  - Cung cấp thông tin (về quy trình thủ tục, quy định, bản đồ địa chính, v.v.) bằng đĩa CD?
  - Tham vấn doanh nghiệp hiệu quả hơn về các kế hoạch, chính sách, v.v. của địa phương. Gặp gỡ/tiếp xúc hàng tháng?

Câu hỏi
&
Thảo luận

USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI
Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

PHỤ LỤC

USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI
Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Các chỉ số thành phần

- **Chi phí gia nhập thị trường:** Thời gian chờ đăng ký kinh doanh, thời gian chờ trước khi đi vào hoạt động, và thời gian chờ để có đất sử dụng cho kinh doanh.
- **Tiếp cận đất đai:** % doanh nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, % doanh nghiệp thuê đất từ DNNN, Đánh giá của doanh nghiệp về chính sách chuyển đổi mục đích sử dụng đất của tỉnh, Nhận định của doanh nghiệp về khả năng mở rộng kinh doanh nếu có được mặt bằng kinh doanh thuận lợi hơn.

Các chỉ số thành phần

- **Tính minh bạch và tiếp cận thông tin:** Sự công khai và khả năng tiếp cận các tài liệu quy hoạch kế hoạch của tỉnh, Khả năng tiếp cận các văn bản pháp quy, Tầm quan trọng của "quan hệ" trong việc tiếp cận các tài liệu trên, Khả năng dự đoán của luật và việc thực hiện luật, và Đánh giá của khu vực kinh tế tư nhân về websites của tỉnh.
- **Chi phí thời gian/Thanh, kiểm tra:** Số ngày làm việc với quan chức chính phủ, Các công việc hành chính, Số lần thanh tra, có số lần thanh tra giảm đi sau Luật Doanh nghiệp hay không, Độ dài thời gian của những lần thanh tra đó.

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

VNCI Vietnam Competitiveness Initiative

VCCI

Các chỉ số thành phần

- **Chi phí không chính thức:**

  Chi phí này có là một cản trở cho sự phát triển?, Tỷ lệ chi phí trên doanh thu, Chi phí trả thêm cho thanh tra thuế, và Tỷ lệ hoa hồng phải trả cho những hợp đồng của chính phủ.

Các chỉ số thành phần

- **Thực hiện chính sách của Trung ương:** Phần trăm doanh nghiệp đồng ý việc thực hiện chính sách từ trên là tốt, trung ương và tỉnh phối hợp tốt, Những sáng kiến luôn được áp dụng nhất quán. Chỉ số này cũng bao gồm phần trăm doanh nghiệp đồng ý chính sách trung ương là tốt, song việc thực hiện ở tỉnh chưa tốt.
- **Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (DNNN):** Một loạt câu hỏi về nhận định của doanh nghiệp về thái độ của tỉnh đối với khu vực kinh tế tư nhân – DNNN và doanh nghiệp mới cổ phần hóa. Dữ liệu có sẵn bao gồm phần trăm vốn cho vay của ngân hàng thương mại quốc doanh cho DNNN, phần trăm DNNN địa phương chuyển nhượng sở hữu, cổ phần hóa, hoặc giải thể.

Các chỉ số thành phần

- **Tính năng động và tiên phong:** Nhận định của doanh nghiệp về tính năng động và tiên phong của tỉnh trong việc giải quyết vấn đề, Về năng lực và tâm thế sáng tạo trong việc thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, kể cả việc sẵn sàng đưa ra những chính sách có tính tiên phong (xé rào)
- **Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân:** Đánh giá của doanh nghiệp về chính sách của tỉnh trong xúc tiến thương mại, Cung cấp thông tin về luật pháp và chính sách, Làm cầu nối cho các đối tác kinh doanh, và Đào tạo nguồn lao động.